| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1431/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Tưởng Công Sơn
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
Bà Nguyễn Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Thanh Nghị – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1215/2024/DSST ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1990/2025/QĐXX-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 2833/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Công ty TNHH Mua bán nợ Q (VID).
Trụ sở: Tầng 2, Số 81 đường CMTT, phường BT (cũ là phường BT, quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Số 112, Đường số 10, Khu đô thị VP, phường HT, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Koshelev V – Chức vụ: Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2000 – Chức vụ: Trợ lý pháp lý.
Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Số 112, Đường số 10, Khu đô thị VP, phường HT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn*: Bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1969; CCCD số 031169009856; cấp ngày 10/05/2021.
Người được ủy quyền: Ông Đỗ T, sinh năm 1965
Cùng địa chỉ: Số 252/4C (cũ là 18/C4) PVC, phường TTH (cũ là phường 9, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2024; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Ngày 08/2/2013, bà Lê Thị Minh N (gọi tắt là bị đơn, người bị kiện ) và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam - nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam, (sau đây gọi tắt "SVFC"), có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10472409 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng").

Thông tin chi tiết của khoản vay như sau: Số tiền cho vay: 87.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất 3.25%/tháng; lãi phạt bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi trả thành 48 kỳ; phương thức vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Ngày 09/9/2022, Công ty TNHH Một thành viên S Việt Nam (SVFC) ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION – SVFC với Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (gọi tắt là VID, nguyên đơn). Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho VID nhiều hợp đồng tín dụng cũng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm hợp đồng tín dụng số 10472409 của bà Lê Thị Minh N. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của người bị kiện đã được chuyển nhượng sang cho VID, mặc dù VID đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu người bị kiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay người bị kiện thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Tính đến ngày 23/8/2024, tổng số tiền mà bà N còn nợ Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam là 200.000.000 (Bằng chữ: *Hai trăm triệu đồng*), trong đó Nợ gốc quá hạn: 75.824.100 đồng; Nợ lãi quá hạn: 53.818.325 đồng; Lãi phạt chậm thanh toán: 70.357.575 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bằng đơn này, Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam khởi kiện bà Lê Thị Minh N tại Tòa án nhân dân quận GV (nay là Tòa án Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc bà Lê Thị Minh N phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID) với tổng số tiền 200.000.000 (Bằng chữ: *Hai trăm triệu đồng*), trong đó Nợ gốc quá hạn: 75.824.100 đồng; Nợ lãi quá hạn: 53.818.325 đồng; Lãi phát chậm thanh toán: 70.357.575 đồng.

*Ngày 23/6/2025, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID) có bản tự khai yêu cầu:*

Buộc bị đơn (Bà Lê Thị Minh N) phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/6/2025 cho VID với tổng số tiền là: 164.538.297 đồng (Bằng chữ: *Một trăm sáu mươi tư triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng),* trong đó: Nợ gốc: 75.824.100 đồng; Nợ lãi trong hạn: 88.714.197 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Minh N còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Ngày 09/9/2025, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID) có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:*

Rút phần lãi phạt chậm thanh toán là 70.357.575 đồng. Theo đó, buộc bà Lê Thị Minh N phải trả một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho VID là: 129.642.425 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 75.824.100 đồng; Nợ lãi là: 53.818.325 đồng. Ngoài ra, bà N phải chịu lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực đối với số tiền nêu trên.

*Ngày 15/7/2025, bị đơn bà Lê Thị Minh N có bản tự khai trình bày:*

Vào ngày 08/2/2013 tôi có mượn của Công ty Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam). Cách đây chừng hơn 10 năm nơi Công ty tôi làm việc (Công ty FLV – do ông Lê Minh P làm Giám đốc) gặp sự cố cháy nổ và phá sản, vì vậy đề nghị Công ty S cùng chúng tôi làm lại hợp đồng tín dụng kể từ khi xảy ra cháy nổ, ngưng việc vay tín dụng và tiến tới giải quyết vốn vay.

Nay tôi xác nhận có nợ số tiền công ty mua bán nợ kiện, tuy nhiên do hoàn cảnh của tôi đang khó khăn, tôi muốn góp 500.000 đồng/tháng cho tới khi hết số nợ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến tòa để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

*Tại phiên tòa hôm nay*:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin vắng mặt tuy nhiên bà D vẫn giữ yêu cầu:

- Buộc bà Lê Thị Minh N phải trả một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2025 cho VID là: 129.642.425 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 75.824.100 đồng; Nợ lãi là: 53.818.325 đồng.

- Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết số tiền vay bà Lê Thị Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị Minh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Minh N và ông T là đại diện ủy quyền của bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

1.1 *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*

Nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam khởi kiện bị đơn bà Lê Thị Minh N về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10472409 được ký kết giữa bà N và Công ty Tài chính P Việt Nam. Bị đơn bà Lê Thị Minh N có nơi cư trú tại địa chỉ số 252/4C (cũ là 18/C4) PVC, phường TTH (cũ là phường 9, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh do đó đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 (cũ là Toà án nhân dân quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.3 *Về thủ tục tố tụng* :

- Ngày 09/9/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bà N có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Sau đó Tòa án đã tống đạt cho bà N Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập và mời bà N đến dự phiên tòa lần thứ hai vào lúc 14 giờ ngày 30/9/2025. Tuy nhiên ngày 15/9/2025, ông Đỗ T là người bà N ủy quyền tham gia phiên tòa đã đến Tòa án nộp cho Tòa án giấy ủy quyền (bản photo) và xin sao chụp tài liệu biên bản hòa giải ngày 15/7/2025. Ngày 26/9/2025, ông T đến Tòa án nộp cho Tòa án đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ hai đơn ghi ngày 25/9/2025 với lý do ông cần thêm thời gian nghiên cứu hồ sơ và nộp cho Tòa án bản chính giấy ủy quyền ngày 12/9/2025 cùng đơn xin sao chụp hồ sơ vay vốn. Xét thấy bị đơn bà Lê Thị Minh N đã được Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai được quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nhưng bà Lê Thị Minh N và ông T là đại diện ủy quyền của bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù ông T có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ hai, với lý do hoãn phiên tòa là ông cần thêm thời gian nghiên cứu hồ sơ không được xem là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ 2 ngày 25/9/2025 (đến Tòa án ngày 26/9/2025) của ông Đỗ T là người được bà Ng ủy quyền tham gia phiên tòa và Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về nội dung tranh chấp*:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*- Về nợ gốc*:

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 08/02/2013 đã ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam - nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S Việt Nam với bà Lê Thị Minh N . Căn cứ thu nhập thực tại, tình hình tài chính và đề nghị của bà Lê Thị Minh N công ty đã giải ngân vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng AC số tiền 87.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở bà N vẫn không thanh toán thêm cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam bất kỳ khoản tiền nào. Ngày 09/9/2022, Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION – SVFC với Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (gọi tắt là VID). Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho VID nhiều hợp đồng tín dụng cũng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng số 10472409 của bà Lê Thị Minh N. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, VID có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng" và theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Bà N đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Lê Thị Minh N phải trả ngay một lần số tiền nợ gốc là 75.824.100 (*Bảy lăm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn một trăm đồng)* là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*- Về nợ lãi:*

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 08/02/2013 đã ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam và bà Lê Thị Minh N với hạn mức vay là 87.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 09/9/2025 thì tính đến ngày 30/9/2025, nguyên đơn đã rút bớt phần lãi phạt là 70.357.575 đồng và nguyên đơn chỉ yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 53.818.325 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng tín dụng với mức lãi suất trong hạn là 3.25%/ tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID). Tuy nhiên Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 30/9/2025 là 53.818.325 đồng không yêu cầu trả tiền lãi phạt là 70.357.575 đồng là có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Lê Thị Minh N phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 53.818.325 đồng.

Như vậy, buộc bà Lê Thị Minh N phải trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam ngay một lần tổng số tiền lãi và gốc lãi tính đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 129.642.425 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 75.824.100 đồng; Nợ lãi là: 53.818.325 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết số tiền vay bà Lê Thị Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 .

Đối với việc ngày 09/9/2025, đại diện nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền lãi phạt chậm thanh toán là 70.357.575 đồng. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần lãi phạt chậm thanh toán là 70.357.575 đồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng)* tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014927 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 129.642.425 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*. Do đó bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.482.121 đồng (Sáu *triệu bốn trăm tám mươi hai*

*ngàn một trăm hai mươi mốt đồng)* .

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2025);

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Lê Thị Minh N có trách nhiệm phải trả ngay một lần cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 129.642.425 (*Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*, trong đó: Nợ gốc là: 75.824.100 đồng; Nợ lãi là: 53.818.325 đồng

- Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết số tiền vay bà Lê Thị Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 .

- Đình chỉ đối với phần lãi phạt chậm thanh toán số tiền 70.357575 đồng của nguyên đơn yêu cầu đối với bị đơn.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.482.121 đồng (Sáu *triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn một trăm hai mươi mốt đồng)* .

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q Việt Nam (VID) số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng)* tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014927 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành

phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

***Nơi nhận :***
- VKSND KV7, TPHCM;
- Phòng THADSKV7, THADS.TPHCM ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tưởng Công Sơn**